

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày 10-01-2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết.

Bà Lê Thị Mai Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. **Bị đơn:** Cụ Trần Thị T, sinh năm 1942; nơi cư trú: Xóm G, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cụ Mai Văn T1, sinh năm 1940, nơi cư trú: Xóm G, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- Chị Mai Hương L, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Anh Mai Văn T, sinh năm 2004; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Mai Văn M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 1996, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương sau đó đến ngày 19-02-2003 bà và ông M đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y huyện Y1, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống bà và ông M sinh được 02 người con là Mai Hương L, sinh năm 1997 và Mai Văn T, sinh năm 2004, bà và ông M không có con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác. Ông M có bố đẻ là cụ Mai Văn T1 và mẹ đẻ là cụ Trần Thị T, ngoài ra ông M không có bố mẹ nuôi, con nuôi, con riêng nào khác.

Quá trình chung sống, bà và ông M tạo lập được khối tài sản chung là:

+ Quyền sử dụng diện tích 72m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà và ông M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 891653 số vào sổ cấp GCN: CH 01574 do UBND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/6/2017 cho ông Đinh Văn H và bà Phạm Thị M, sau đó ông H, bà M đã chuyển nhượng lại cho bà và ông M theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29-4-2020 tại Văn phòng Công chứng Hưng Phát, thành phố Hải Phòng theo số Công chứng 372/2020/HĐCN, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD; bà và ông M làm đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Đồ Sơn ngày 05-5-2020 và đã được cập nhật biến động đất đai do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng xác nhận ngày 29-6-2020. Sau khi làm xong thủ tục nhận chuyển nhượng thửa đất trên, vợ chồng bà xây 01 căn nhà cấp 4 trên đất, diện tích khoảng 72 m² và cả gia đình gồm vợ chồng bà, 02 con cùng sinh sống trên đó.

+ 01 tàu gỗ đánh cá 160CV, với các thông số kỹ thuật và đặc điểm như sau: Năm đóng 2003, mẫu thiết kế dân gian, chiều dài Lmax, m 11,0, Ltk,m; chiều rộng: Bmax,m 3,70; Btk,m, chiều cao mạn D,m 1,0; chiều chìm d,m, mạn khô f,m. Vật liệu vỏ: Gỗ. Tổng dung tích: 8,5. Sức chở tối đa, tấn: 3,0. Tốc độ tự do: hải lý/h:8,0. Máy chính ký hiệu: HNC, số máy 02308, công suất 160, nơi chế tạo: Hàn Quốc. Cảng đăng ký: Hải Phòng, cơ quan đăng kiểm Chi Cục KT&BVNL Thủy sản. Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 28-187, số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18/6/2013 (số đăng ký cũ: HP-0477-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-6-2013.

Ngày 27-4-2022, ông Mai Văn M chết không để lại di chúc. Sau khi ông M chết chỉ còn bà và 02 con chung là chị Mai Hương L và anh Mai Văn T sinh sống

tại nhà đất nêu trên. Hiện nay bà là người đang trực tiếp quản lý tài sản chung là nhà đất và con tàu đánh cá.

Sau khi ông M chết được một thời gian, do có nhu cầu làm lại một số giấy tờ có liên quan đến con tàu đánh cá mà trước kia ông M là người đứng tên đồng thời bà cũng muốn làm lại giấy tờ nhà đất để chủ động trong công việc làm ăn hoặc sau này cho lại các con. Tuy nhiên, khi họp bàn gia đình thì chỉ có cụ Mai Văn T1 (là bố đẻ ông M) đồng ý làm các thủ tục từ chối nhận di sản của ông M mà cụ T1 được hưởng để thuận lợi cho bà làm các giấy tờ liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Còn cụ Trần Thị T (là mẹ đẻ ông M) lại không tạo điều kiện cho bà trong việc làm các giấy tờ có liên quan đến tài sản chung với lý do sợ bà bán mất tài sản chung giữa bà và ông M. Khối tài sản này là công sức do bà và ông M tạo lập, bố mẹ chồng không cho đất, không cho tiền cũng như không giúp sức gì cho vợ chồng bà để mua được tài sản. Mặt khác công sức phần lớn là do bà vất vả làm lụng mới có được vì ông M bị bệnh nặng từ năm 2018 không đóng góp được gì nhiều. Một mình bà buôn bán, làm ăn kiếm tiền nuôi cả gia đình, đến nay mẹ chồng bà là cụ T không tạo điều kiện ký giấy tờ và có ý kiến muốn được chia phần di sản của ông M. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện cụ T đến Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Phân chia tài sản chung của bà và ông Mai Văn M là: Quyền sử dụng diện tích 72m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 28-187, số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18-6-2013 (số đăng ký cũ: HP-0477-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-6-2013.

- Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Mai Văn M trong khối tài sản chung vợ chồng là: Quyền sử dụng diện tích 72m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18-6-2013 (số đăng ký cũ: HP-0477-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-6-2013.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16-12-2024, bà Lê Thị H xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà H đề nghị được thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà và ông Mai Văn M đối với Quyền sử dụng diện tích 72m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải

Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 891653 số vào sổ cấp GCN:CH 01574 do UBND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12-6-2017 cho ông Đinh Văn H và bà Phạm Thị M, ngày 29-6-2020 ông H và bà M đã chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị H và ông Mai Văn M và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18-6-2013 (số đăng ký cũ: HP-0477-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/6/2013. Phần tài sản này bà đã tìm hiểu theo quy định của pháp luật thì bà đương nhiên được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản khi bà có yêu cầu về chia di sản thừa kế. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xác định $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản chung này là của bà đương nhiên được hưởng.

- Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản của ông Mai Văn M trong khối tài sản chung là: Quyền sử dụng diện tích 72m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc Quyền sử dụng diện tích 72m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 891653 số vào sổ cấp GCN:CH 01574 do UBND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12-6-2017 cho ông Đinh Văn H và bà Phạm Thị M, ngày 29-6-2020 ông H và bà M đã chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị H và ông Mai Văn M và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18-6-2013 (số đăng ký cũ: HP-0477-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-6-2013.

Bà đề nghị khi Tòa án chia di sản thừa kế của ông M để bà được nhận toàn bộ bằng hiện vật, bà sẽ có trách nhiệm trả kỹ phần thừa kế của ông M bằng tiền cho đồng thừa kế khác. Ngoài ra bà đề nghị Tòa án phải tính phần công sức tạo lập, duy trì, quản lý, gìn giữ khối tài sản cho bà theo quy định của pháp luật bởi lý do khi bà và ông M mua tài sản là đất và sau đó xây nhà cấp 4 trên đất phần lớn là tiền mồ hôi, công sức của bà, vì từ năm 2018 ông M đã bị bệnh ung thư dạ dày, thường xuyên phải đi Bệnh viện điều trị, tiêu tốn rất nhiều tiền của. Khi mua tài sản là thửa đất số 65 tại tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng bà phải vay mượn tiền của Ngân hàng Agribank chi nhánh quận Dương Kinh, đồng thời thế chấp thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn cho Ngân hàng để vay tiền trả nợ tiền mua đất. Một năm sau bà mới làm ăn trả hết nợ cho Ngân hàng. Ông M không có đóng góp công sức gì nhiều để tạo dựng khối tài sản chung của vợ chồng, còn bố mẹ đẻ ông M không cho vợ chồng bà đất, tiền hoặc bất cứ tài sản gì

để tạo lập ra khối tài sản chung giữa bà và ông M.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-10-2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 93/2024/QĐ-UTTA ngày 09-10-2024 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cụ Trần Thị T trình bày lời khai như sau:

Cụ là mẹ đẻ của ông Mai Văn M và là mẹ chồng của bà Lê Thị H. Khi ông M và bà H mua các tài sản là thửa đất có diện tích 72m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng sau đó xây nhà cấp 4 trên đất và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18-6-2013 (số đăng ký cũ: HP-0477-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-6-2013 thì cụ có biết do ông M về nói với cụ. Tuy nhiên do cụ và cụ T1 đã già yếu nên không có đóng góp tiền của hay công sức gì để vợ chồng ông M, bà H mua tàu cá, mua đất, xây nhà. Công sức tạo lập tài sản là của riêng vợ chồng ông M, bà H. Cụ và cụ T1 không cho đất, cho tiền hay tài sản gì. Trước khi ông M chết không để lại di chúc, chỉ dặn cụ bằng miệng là không được để bà H bán nhà đất đi. Nay bà H làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với con tàu đánh cá và nhà đất trên thì quan điểm của cụ là đề nghị Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật. Phần di sản thừa kế mà cụ được hưởng của ông M thì cụ đề nghị được nhận bằng tiền. Do cụ đã tuổi cao, sức yếu nên không thể đến Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn để tham gia các phiên họp, phiên tòa được nên cụ có ý kiến xin được giải quyết vắng mặt. Cụ không yêu cầu trợ giúp pháp lý và có đơn đề nghị được miễn án phí.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-10-2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 93/2024/QĐ-UTTA ngày 09-10-2024 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cụ Mai Văn T1 trình bày lời khai như sau:

Cụ là bố đẻ của ông Mai Văn M và là bố chồng của bà Lê Thị H. Khi ông M và bà H mua các tài sản là thửa đất có diện tích 72m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng sau đó xây nhà cấp 4 trên đất và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18-6-2013 (số đăng ký cũ: HP-0477-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-6-2013 thì cụ có biết do ông M về nói với cụ. Tuy nhiên do cụ và cụ T đã già yếu nên không có đóng góp tiền của hay công sức gì để vợ chồng ông M, bà H mua tàu cá, mua đất, xây nhà. Công sức tạo lập tài sản là của riêng vợ chồng ông M, bà H. Cụ và cụ T không cho đất, cho tiền hay tài sản gì. Trước khi ông M chết không để lại di chúc, tài sản chung của vợ chồng ông M hiện do bà H quản lý,

sử dụng và đang ở cùng hai con là Mai Hương L và Mai Văn T. Nay bà H làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với con tàu đánh cá và nhà đất trên thì quan điểm của cụ là đề nghị Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật. Phần di sản thừa kế mà cụ được hưởng của ông M thì cụ giao lại cho bà Lê Thị H để bà H có tiền chăm lo cho hai cháu. Do cụ đã tuổi cao, sức yếu nên không thể đến Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn để tham gia các phiên họp, phiên tòa được nên cụ có ý kiến xin được giải quyết vắng mặt. Cụ không yêu cầu trợ giúp pháp lý và có đơn đề nghị được miễn án phí.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-10-2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, chị Mai Hương L và anh Mai Văn T thống nhất trình bày lời khai như sau:

Bố mẹ anh chị là ông Mai Văn M và bà Lê Thị H, cùng nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Bố mẹ anh chị sinh được 02 người con là Mai Hương L, sinh năm 1997 và Mai Văn T, sinh năm 2004. Bố anh chị mất ngày 27-4-2022 do bệnh ung thư dạ dày. Bố anh chị có bố đẻ là cụ Mai Văn T1, mẹ đẻ là cụ Trần Thị T, vợ là bà Lê Thị H và hai con chung là anh chị, ngoài ra bố anh chị không có bố mẹ nuôi, con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Quá trình chung sống, bố mẹ anh chị tạo lập được khối tài sản chung sau:

01 Quyền sử dụng diện tích 72m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

01 tàu gỗ đánh cá 160CV, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18-6-2013 (số đăng ký cũ: HP-0477-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-6-2013.

Sau khi bố anh chị mất chỉ còn mẹ là Lê Thị H cùng anh chị sinh sống tại nhà đất nêu trên và mẹ anh chị là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản chung là thửa đất, nhà trên đất và con tàu đánh cá.

Sau khi bố anh chị mất được một thời gian, do có nhu cầu làm lại một số giấy tờ có liên quan đến con tàu mà trước kia bố anh chị là người đứng tên, cũng như làm lại giấy tờ nhà đất, khi gia đình anh chị họp bàn giải quyết thì cụ T1 là ông nội anh chị đã đồng ý làm các thủ tục từ chối nhận di sản của bố anh chị để thuận lợi cho mẹ anh chị làm các giấy tờ liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Còn cụ T là bà nội anh chị lại không tạo điều kiện cho mẹ anh chị trong việc làm các giấy tờ có liên quan đến tài sản chung với lý do sợ mẹ anh chị bán mất tài sản chung của bố mẹ anh chị. Vì lý do đó mẹ anh chị muốn sự rõ ràng về tài sản và cũng để thuận lợi cho công việc của mẹ anh chị nên mẹ anh chị đã làm

đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản.

Quan điểm của anh chị: Anh chị đều không có yêu cầu độc lập, anh chị khẳng định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký HP-90015-TS là tài sản chung của bố mẹ anh chị tạo lập nên, không ai có công sức đóng góp gì trong việc tạo lập, duy trì, quản lý hay xây dựng bất cứ công trình nào trên thửa đất này. Ông bà nội anh chị không cho đất, cho tiền hay đóng góp tài sản gì cho bố mẹ anh chị. Tại thời điểm bố mẹ anh chị mua các tài sản trên thì anh chị còn nhỏ, không đóng góp công sức, tiền của gì để cho bố mẹ mua nhà đất, tàu cá. Khi bố mẹ anh chị tạo lập được khối tài sản chung nêu trên thì tiền của và công sức đóng góp là của mẹ anh chị là chủ yếu vì từ năm 2018 bố anh chị đã bị bệnh nặng, ung thư dạ dày thường xuyên phải đi Bệnh viện điều trị, tiêu tốn rất nhiều tiền của, không làm ăn được gì để có thu nhập. Một mình mẹ anh chị tần tảo buôn bán làm ăn để nuôi chồng, hai con. Khi mua các tài sản này, mẹ anh chị phải vay mượn tiền và thế chấp bìa đỏ vay nợ Ngân hàng để xây nhà ở trên đất, một năm sau đó mẹ anh chị mới trả được hết tiền nợ vay Ngân hàng và lấy bìa đỏ về. Thực tế từ khi bố anh chị mất, mẹ anh chị vẫn là người phải lo toan cho cuộc sống của hai anh chị do chị L chưa có việc làm ổn định, anh T vẫn đang đi H, cuộc sống của ba mẹ con anh chị rất khó khăn, không nhận được sự trợ giúp nào từ phía gia đình bên nội. Anh chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ anh chị là bà Lê Thị H, đồng thời anh chị tự nguyện nhượng lại suất thừa kế của mình được hưởng khi chia di sản thừa kế của bố anh chị là ông Mai Văn M để cho hết mẹ anh chị là bà Lê Thị H vì mẹ anh chị là người có công sức lớn để tạo lập lên khối tài sản này và vẫn đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng khối tài sản.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với nhà đất thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký HP-90015-TS. Bà H sẽ có nghĩa vụ trả phần giá trị tài sản tương ứng bằng tiền cho cụ Trần Thị T. Đối với phần di sản thừa kế mà cụ Mai Văn T1, chị Mai Hương L, anh Mai Văn T tự nguyện nhượng, cho lại bà thì bà đồng ý nhận và sẽ có trách nhiệm thay ông M chăm lo cho hai con sau này.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Mai Hương L và anh Mai Văn T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án. Anh chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức của mẹ anh chị là bà Lê Thị H để tạo lập nên khối tài sản này. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của mẹ anh chị,

giao toàn bộ tài sản là nhà đất, tàu đánh cá cho mẹ anh chị và chia cho cụ T suất thừa kế theo quy định của pháp luật bằng tiền. Phần di sản thừa kế anh chị được hưởng của bố anh chị là ông M, tại phiên tòa anh chị vẫn giữ nguyên quan điểm tự nguyện tặng cho lại mẹ anh chị là bà Lê Thị H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị L, anh T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cụ T1 chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015: Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Tuy nhiên, trong quá trình hôn nhân, bà H là người vay tiền Ngân hàng để mua đất, có công chăm sóc ông M khi bệnh tật. Sau khi ông M chết, bà H là người quản lý các di sản. Do đó cần xác định bà H là người có công sức gìn giữ, tôn tạo, quản lý di sản do ông M để lại và khi chia thừa kế cần phải tính phần này. Như vậy, công sức tạo dựng, trông coi, quản lý di sản cần tính cho bà H được thêm 1/2 của một phần di sản là phù hợp. Theo đó chia di sản thành 06 phần, mỗi đồng thừa kế được 1/6 di sản, 1/6 di sản còn lại chia đôi, bà H được hưởng thêm 1/12 phần di sản là công sức tôn tạo, quản lý di sản, 1/12 di sản còn lại chia đều cho 04 đồng thừa kế còn lại, mỗi người được thêm 1/48 di sản

Do đó bà H được hưởng $(1/6 + 1/12) = 4/16$ di sản

Anh T, chị L, cụ T, cụ T1 mỗi người được hưởng $(1/6 + 1/48) = 3/16$ di sản.

Do cụ T1, anh T, chị L đồng ý nhường phần di sản của mình cho bà H nên tính tổng giá trị phần di sản bà H được nhận gồm phần của bà H, cụ T1, anh T, chị L là $13/16$ di sản, tương ứng số tiền $1.628.629.801 \times 13/16 = 1.323.261.713,3125$ đồng, làm tròn là $1.323.261.714$ đồng.

Do cụ T đề nghị nhận phần di sản bằng tiền nên căn cứ Điều 660 Bộ luật Dân sự, bà H là người nhận di sản là hiện vật, được quản lý di sản và có nghĩa vụ thanh toán phần di sản cho cụ T. Giá trị phần di sản cụ T được nhận là $305.368.087,6875$ đồng, làm tròn là $305.368.088$ đồng.

Căn cứ các phân tích trên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Căn cứ khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản

1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Lê Thị H được quyền sử dụng diện tích 72m² đất và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là căn nhà trên đất thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 891653 số vào sổ cấp GCN: CH 01574 do UBND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12-6-2017 cho ông Đinh Văn H và bà Phạm Thị M.

Đối với phần diện tích 13m² đất và nhà do bà H và ông M lấn chiếm để xây công trình phụ (căn cứ Công văn số 325/UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân phường Hợp Đức): không phải là tài sản chung của vợ chồng ông M, bà H; không phải là di sản thừa kế của ông M. Khi Nhà nước có chủ trương thu hồi thì bà H là người đang sử dụng có nghĩa vụ phải tự tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc đã xây dựng trên phần đất để trả lại 13,0m² đất này cho Nhà nước mà không được đền bù, hỗ trợ.

Bà Lê Thị H được quyền sở hữu 01 tàu cá số hiệu HP-90015-TS, tên tàu: Tàu gỗ 160cv, chủ tàu: Mai Văn M, loại tàu: Đánh cá, năm đóng: 2003; nơi đóng: Hải Phòng; mẫu thiết kế: dân gian; chiều dài L_{max}: 11m; chiều rộng: 3,7m; chiều cao mạn: 1m; vật liệu vỏ: gỗ; tổng dung tích: 8,5; sức chở tối đa: 03 tấn; tốc độ tự do: 08 hải lý/giờ, được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 28-187 ngày 18/6/2013 của Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản – sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng.

- Bà H có nghĩa vụ trả cho cụ T số tiền tương ứng phần di sản của cụ T hưởng là 305.368.088 đồng.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí đối với phần di sản được nhận sau khi chia thừa kế (phần của bà H và phần được các đồng thừa kế nhường) tương ứng 1.323.261.714 đồng.

Do đó bà H phải chịu án phí 51.697.851 đồng nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 25.425.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006631 ngày 07-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn. Bà H còn phải nộp 26.272.851 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ T là người cao tuổi, xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của UBTVQH.

Cụ T1, chị L, anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Di sản thừa kế là bất động sản có địa chỉ tại: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn là cụ Trần Thị T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Mai Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, có ý kiến xin xét xử vắng mặt nhưng không làm đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về thời hiệu chia di sản thừa kế: Ông Mai Văn M chết ngày 27-4-2022, ngày 02-10-2024 bà Lê Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của ông Mai Văn M, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế vẫn còn, thời điểm mở thừa kế của ông Mai Văn M là ngày 27-4-2022.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về nguồn gốc tài sản: Theo các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập đã được xem xét công khai tại phiên tòa đã xác định được:

[4.1] Tại Công văn số 266/UBND ngày 17-10-2024 Ủy ban nhân dân phường Hợp Đức cung cấp cho Tòa án: Về nguồn gốc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, diện tích 72m², địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nguyên là đất ở của ông Đinh Văn H, vợ là bà Phạm Thị M đã được UBND quận Đồ Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 891653 số vào sổ cấp GCN: CH 01574 ngày 12-6-2017. Sau đó ông H, bà M đã chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị H và ông Mai Văn M theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29-4-2020 tại Văn phòng Công chứng Hưng Phát, thành phố Hải Phòng theo số Công chứng 372/2020/HĐCN, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD; bà H và ông M làm đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận Đồ Sơn ngày 05-5-2020 và đã được cập nhật biến động đất đai do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố

Hải Phòng xác nhận ngày 29-6-2020 cho ông M, bà H, số hồ sơ 000180.CN.001. Từ năm 2020 đến nay, ông M và bà H đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đầy đủ cho Nhà nước. Theo bà H khai sau khi mua được thửa đất trên, vợ chồng bà H xây 01 nhà cấp 4 trên đất để cả gia đình gồm vợ chồng bà H và hai con ăn ở, sinh sống. Do đó xác định nhà đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, diện tích 72m², địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của vợ chồng ông Mai Văn M và bà Lê Thị H là có cơ sở.

[4.2] Đối với 01 tàu gổ đánh cá 160CV:

Tại Công văn số 1043/TS-KTTS ngày 16-10-2024 của Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng cung cấp cho Tòa án:

Chi cục Thủy sản đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 28-187, số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18-6-2013 đối với tàu cá HP-90015-TS cho ông Mai Văn M, nơi đăng ký thường trú: Ngọc Xuyên, Đồ Sơn, Hải Phòng, giấy chứng nhận tàu cá này còn hiệu lực. Ngày 01-10-2024, Chi cục Thủy sản đã cấp giấy phép khai thác thủy sản số 746/2024/HP-GPKTTS cho tàu cá HP-90015-TS, vùng khai thác: ven bờ, ngày hết hạn: 01-4-2025 cho bà Lê Thị H là vợ ông Mai Văn M. Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình, tàu gổ đánh cá là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông M và bà H nên xác định tàu gổ đánh cá 160CV là tài sản chung vợ chồng của ông M và bà H là có cơ sở.

[5] Quá trình quản lý, kê khai, sử dụng tài sản:

[5.1] Quá trình quản lý, kê khai, sử dụng nhà đất:

Sau khi ông Mai Văn M qua đời năm 2022. Bà Lê Thị H là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất. Cụ Trần Thị T và cụ Mai Văn T1 chưa từng ngày nào ăn ở tại nhà đất trên. Do vậy xác định bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản.

[5.2] Đối với phần diện tích 13,0m² đất hiện nay bà Lê Thị H đang quản lý, sử dụng:

Ngày 08-11-2024, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành định giá tài sản đối với nhà đất nêu trên. Qua đo vẽ thực tế, thể hiện phần diện tích đất thực tế bà Lê Thị H đang quản lý, sử dụng là 85m² (trong đó diện tích đất được công nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 891653 số vào sổ cấp GCN:CH 01574 do UBND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12-6-2017 là 72m² đất, còn lại 13,0m² đất không có giấy tờ), theo bà H khai, khi xây công trình trên đất bà tự ý lấn chiếm để sử dụng.

Tại Công văn số 325/UBND ngày 09-12-2024 của Ủy ban nhân dân phường Hợp Đức cung cấp cho Tòa án: Phần diện tích 13,0m² hiện nay bà H đang chiếm dụng là nằm ngoài diện tích thửa đất số 65, tờ bản đồ số 4. Đây là đất nương mận giáp lô 01 đường 353 được quy hoạch làm rãnh thoát nước cho các hộ dân. Diện

tích 13,0m² đất này do Ủy ban nhân dân phường Hợp Đức quản lý. Hiện nay do hạn hẹp về nguồn tài chính nên Ủy ban nhân dân phường chưa có điều kiện làm cứng hóa tuyến rãnh thoát nước này, một số hộ khi xây dựng nhà ở liền kề đã tự xây dựng và bê tông rãnh nước để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong đó có nhà ông M, bà H. Khi xây dựng công trình tạm trên, các hộ đều cam kết khi nào chính quyền địa phương sử dụng, các hộ dân sẽ tự nguyện tháo dỡ để trả lại mặt bằng cho địa phương. Việc ông M, bà H khi làm rãnh thoát nước nhưng lại xây khu phụ lấn ra phần diện tích này là hành vi vi phạm về đất đai, khi Nhà nước sử dụng phần diện tích 13,0m² đất trên sẽ không được đền bù, hỗ trợ. Do là đất lấn chiếm nên Ủy ban nhân dân phường không thu bất cứ nghĩa vụ tài chính nào của ông M, bà H đối với 13,0m² đất trên. Như vậy, đối với phần diện tích 13,0m² đất mà ông M, bà H tự ý lấn chiếm sử dụng không phải là tài sản chung của vợ chồng ông M, bà H, không phải là di sản thừa kế của ông M. Khi Nhà nước có chủ trương thu hồi thì bà H là người đang sử dụng có nghĩa vụ phải trả lại 13,0m² đất này cho Nhà nước mà không được đền bù, hỗ trợ.

[5.3] Quá trình quản lý, sử dụng tàu gỗ đánh cá:

Theo cung cấp của Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng thì từ sau khi ông M chết Chi cục Thủy sản đã cấp lại giấy phép khai thác thủy sản cho bà H là vợ ông M. Bởi vậy có đủ cơ sở xác định bà H đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng, khai thác tàu gỗ đánh cá là tài sản chung của vợ chồng ông M, bà H.

[6] Xét nhà đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV là tài sản chung do ông M và bà H cùng tạo lập do đó theo quy định tại Điều 66 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về giải quyết tài sản chung của vợ chồng trong trường hợp một bên chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết như sau: *“Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản. Phần tài sản của vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế”*, trong vụ án này hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện việc ông M, bà H có thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 47 Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy khi ông M chết và bà H có yêu cầu chia di sản thừa kế thì phần tài sản của bà H trong khối tài sản chung của vợ chồng sẽ được chia đôi và bà H đương nhiên được hưởng ½ khối tài sản chung vợ chồng là có căn cứ.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về yêu cầu: Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với 1/2 giá trị các tài sản của ông Mai Văn M trong khối tài sản chung là: Quyền sử dụng diện tích 72m² đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và 01 tàu gỗ đánh cá 160CV, thấy:

[7.1] Ông Mai Văn M chết ngày 27-4-2022, thời điểm mở thừa kế là ngày 27-4-2022 do đó cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định hàng thừa kế, việc phân chia di sản thừa kế.

[7.2] Về hàng thừa kế: Theo lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại Công an phường Hợp Đức ngày 03-12-2024 xác định được: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Mai Văn M gồm: Cụ Mai Văn T1, sinh năm 1940 (bố đẻ ông M); cụ Trần Thị T, sinh năm 1942 (mẹ đẻ ông M); bà Lê Thị H, sinh năm 1977 (vợ ông M); chị Mai Hương L, sinh năm 1997 (con đẻ ông M); anh Mai Văn T, sinh năm 2004 (con đẻ ông M). Ngoài ra ông Mai Văn M không có bố mẹ nuôi, không có con riêng, con nuôi nào khác.

[7.3] Về việc phân chia di sản thừa kế của ông Mai Văn M: Như đã phân tích tại mục [7.2], ông M có 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, di sản thừa kế của ông M sẽ được phân chia thành 5 phần cho cụ T1, cụ T, bà H, chị L, anh T mỗi người được một phần. Do cụ T1, chị L, anh T đã tự nguyện cho bà H phần di sản thừa kế được hưởng của ông M nên bà H sẽ được hưởng 04 suất thừa kế (gồm của bà H, cụ T1, chị L, anh T); cụ T được hưởng 01 suất thừa kế.

[8] Về công sức quản lý, tôn tạo, trông nom, duy trì, gìn giữ tài sản:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự đều thể hiện, mặc dù đây là tài sản chung do ông M và bà H tạo lập nhưng công sức đóng góp lớn vẫn là của bà H. Cụ T1 và cụ T đều khai không cho đất, không cho tiền hay bất cứ tài sản gì để vợ chồng ông M, bà H mua các tài sản trên. Hồ sơ bệnh án của ông M thể hiện đã nằm điều trị bệnh ung thư từ năm 2018, tàu đánh cá mua năm 2013; nhà đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng mua năm 2020. Như vậy, có thể thấy tại thời điểm mua nhà đất ông M đã bị bệnh nặng, thường xuyên phải nằm viện, lời khai của bà H, chị L, anh T thống nhất với nhau và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là ông M không có nhiều công sức đóng góp để tạo lập nên tài sản mà công sức chủ yếu là của bà H, bà H còn phải đi vay tiền Ngân hàng Agribank chi nhánh Dương Kinh để trả tiền mua đất, sau đó bà H là người trả hết nợ cho Ngân hàng. Khi ông M ốm nằm viện dài ngày thì tiền thuốc men, tiền chi phí sinh hoạt hàng ngày nuôi hai con ăn H cũng do bà H một mình gánh vác. Như vậy, yêu cầu của bà H về việc tính phần công sức quản lý, tôn tạo, trông nom, duy trì, gìn giữ tài sản khi phân chia di sản thừa kế là hoàn toàn có cơ sở, được chấp nhận. Chia cho bà H phần công sức quản lý, tôn tạo, trông nom, duy trì, gìn giữ tài sản bằng $\frac{1}{2}$ một suất thừa kế.

[9] Về phân chia di sản thừa kế của ông M cụ thể được tính như sau:

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 27-11-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng dân sự Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn kết luận:

“- Các công trình, vật kiến trúc trên đất sau khi đã tính khấu hao giá trị tài sản còn lại là: 337.259.602đồng.

- Giá trị quyền sử dụng đất thị trường giao dịch là 40.000.000đ/m², diện tích trên quyết định quyền sử dụng đất là 72m² = 72m² x 40.000.000đ/m² = 2.880.000.000đồng.

- Giá trị tàu vỏ gỗ 160Cv là: 40.000.000đồng (Theo chứng thư thẩm định giá ngày 21-11-2024 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá doanh nghiệp chi nhánh Hải Phòng).

Tổng giá trị các công trình, vật kiến trúc, giá trị đất và tàu vỏ gỗ 160Cv là: 3.257.259.602đồng”.

Các bên đương sự đều đã nhận được Kết quả định giá tài sản và đều nhất trí với Kết luận định giá, không đương sự nào có yêu cầu định giá lại tài sản.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản ngày 27-11-2024 thì tổng giá trị tài sản các công trình, vật kiến trúc, giá trị đất và tàu vỏ gỗ 160Cv là: 3.257.259.602đồng. Việc chia cụ thể chia như sau:

Do đây là tài sản chung của vợ chồng ông Mai Văn M và bà Lê Thị H nên khi ông M chết, theo quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, vì vậy bà H đương nhiên được chia: 3.257.259.602đồng : 2 = 1.628.629.801đồng (làm tròn là 1.628.629.800đồng).

Như vậy phần di sản thừa kế của ông M là: 1.628.629.801đồng sẽ được chia làm 5 phần cho bà Lê Thị H, cụ Mai Văn T1, cụ Trần Thị T, chị Mai Hương L, anh Mai Văn T. Tuy nhiên, do bà Lê Thị H là người có công trông nom, tôn tạo, duy trì, quản lý, gìn giữ khối di sản thừa kế nên cần chia cho bà H phần công sức so với 4 đồng thừa kế còn lại tương ứng với ½ suất thừa kế cụ thể được chia như sau:

$$1.628.629.801\text{đồng} : 6 = 271.438.300\text{đồng.}$$

$$271.438.300\text{đồng} : 2 = 135.719.150\text{đồng.}$$

$$135.719.150\text{đồng} : 4 = 33.929.787,52\text{đồng.}$$

Như vậy, cụ T1, cụ T, chị L, anh T mỗi người được hưởng:

$$271.438.300\text{đ} + 33.929.787,52\text{đ} = 305.368.087,52\text{đồng (làm tròn là } 305.368.088\text{đồng) /01 suất thừa kế.}$$

Bà H được hưởng: 271.438.300đ (giá trị 01 suất thừa kế) + 135.719.150đ (tiền công sức trông nom, tôn tạo, duy trì, quản lý, gìn giữ tài sản tính = ½ suất thừa kế) = 407.157.450đồng.

Đối với cụ Mai Văn T1, chị Mai Hương L, anh Mai Văn T đã tự nguyện tặng cho bà Lê Thị H phần di sản thừa kế được hưởng từ ông Mai Văn M, thấy đây là sự tự nguyện của cụ T1, chị L, anh T, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận, toàn bộ giá trị phần di

sản thừa kế mà cụ T1, chị L, anh T được hưởng của ông M sẽ chuyển cho bà Lê Thị H.

Cụ thể phần di sản thừa kế mỗi người được hưởng như sau:

- Bà Lê Thị H được hưởng: 407.157.450đồng (phần di sản thừa kế bà H được hưởng của ông M) + 305.368.088đồng (phần di sản thừa kế cụ T1 được hưởng của ông M tặng cho bà H) + 305.368.088đồng (phần di sản thừa kế chị L được hưởng của ông M tặng cho bà H) + 305.368.088đồng (phần di sản thừa kế anh T được hưởng của ông M tặng cho bà H) = 1.323.261.714đồng.

- Cụ Trần Thị T được hưởng 01 suất thừa kế = 305.368.088đồng.

Do cụ Trần Thị T có ý kiến muốn nhận suất thừa kế được hưởng bằng tiền. Mặt khác nếu chia bằng hiện vật thì phần mà cụ T được hưởng cũng ít hơn rất nhiều so với bà H do nguồn gốc các tài sản này là tài sản chung do vợ chồng bà H tạo lập, theo quy định tại Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình thì khi ông M chết, bà H có yêu cầu chia di sản thừa kế thì bà H đã được chia đôi, tức là $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản đương nhiên thuộc về bà H được hưởng; $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản lúc đó mới là di sản thừa kế của ông M và được chia theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó theo quy định tại Điều 616 Bộ luật Dân sự năm 2015, khi ông M chết bà H là người trực tiếp quản lý tài sản, có công sức tạo lập, quản lý, gìn giữ, trông nom tài sản nên được tính phần công sức bằng $\frac{1}{2}$ suất thừa kế, bà H còn được cụ T1, chị L, anh T tặng cho phần di sản thừa kế mà họ được hưởng của ông M cho bà H. Vì lẽ đó phần tài sản cũng như di sản thừa kế mà bà H được chia, được hưởng lớn hơn nhiều phần của cụ T được hưởng. Bởi vậy, cần chia cho bà H được hưởng toàn bộ bằng hiện vật và bà H có trách nhiệm trả 01 suất thừa kế trị giá là 305.368.088đồng bằng tiền cho cụ Trần Thị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ Mai Văn T1, chị Mai Hương L, anh Mai Văn T do đều đã từ chối nhận di sản thừa kế và tặng cho bà Lê Thị H nên không được hưởng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[10.1] Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị phần di sản thừa kế được hưởng của ông M là 1.323.261.714đồng, đối với phần tài sản của bà H được chia trong khối tài sản chung là 1.628.629.800đồng thì bà H không phải chịu án phí do đây là tài sản bà H đương nhiên được hưởng, như vậy án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu là 36.000.000đồng + 3% của 523.261.714đồng) = 51.697.851đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.425.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0006631 ngày 07-10-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, bà Lê Thị H còn phải nộp 26.272.851 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10.2] Cụ Trần Thị T do là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản thừa kế cụ T được hưởng của ông Mai Văn M.

[10.3] cụ Mai Văn T1, chị Mai Hương L, anh Mai Văn T đã từ chối nhận di sản thừa kế nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 210, 213, 217, 218, 219, 609, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 28, Điều 29, Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với 1/2 giá trị các tài sản của ông Mai Văn M trong khối tài sản chung, cụ thể như sau:

1.1 Bà Lê Thị H được quyền sử dụng diện tích 72m² đất và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 xây trên phần diện tích 72m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 3, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 891653 số vào sổ cấp GCN: CH 01574 do UBND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/6/2017 cho ông Đinh Văn H và bà Phạm Thị M, sau đó ông H, bà M đã chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị H và ông Mai Văn M theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29-4-2020 tại Văn phòng Công chứng Hưng Phát, thành phố Hải Phòng theo số Công chứng 372/2020/HĐCN, quyền số 01.TP/CC-

SCC/HĐGD và đã được cập nhật biến động đất đai do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng xác nhận ngày 29-6-2020. Vị trí, mốc giới của thửa đất có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Thế Quý, gồm các mốc 1, 2, 3 có chiều dài là: $3,25m + 18,0m = 21,25m$.

+ Phía Nam giáp đất ông Đoàn Văn Tiến, gồm các mốc 4, 5, 6 có chiều dài là: $18,0m + 3,13m = 21,13m$.

+ Phía Đông giáp đường Phạm Văn Đồng, gồm các mốc 3,4 có chiều dài là: 4,0m.

+ Phía Tây giáp đất trống nhà bà Đàm Thị Nga gồm các mốc 6, 1 có chiều dài là 4,0m.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo Bản án).

Đối với $13,0m^2$ đất lấn chiếm về phía cuối thửa đất không phải là tài sản chung của bà H và ông M cũng không phải là di sản thừa kế của ông M. Sau này khi Nhà nước thu hồi bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ tự tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc đã xây dựng trên phần diện tích $13,0m^2$ đất này để trả lại cho Nhà nước mà không được đền bù, hỗ trợ.

1.2 Bà Lê Thị H được quyền sở hữu 01 tàu gỗ đánh cá 160CV, với các thông số kỹ thuật và đặc điểm như sau: Năm đóng 2003, mẫu thiết kế dân gian, chiều dài Lmax, m 11,0, Ltk,m; chiều rộng: Bmax,m 3,70; Btk,m, chiều cao mạn D,m 1,0; chiều chìm d,m, mạn khô f,m. Vật liệu vỏ: Gỗ. Tổng dung tích: 8,5. Sức chở tối đa, tấn: 3,0. Tốc độ tự do: hải lý/h:8,0. Máy chính ký hiệu: HNC, số máy 02308, công suất 160, nơi chế tạo: Hàn Quốc. Cảng đăng ký: Hải Phòng, cơ quan đăng kiểm Chi Cục KT&BVNL Thủy sản. Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 28-187, số đăng ký: HP-90015-TS, vào sổ ĐKTCQG số 03 ngày 18/6/2013 (số đăng ký cũ: HP-0477-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-6-2013.

2. Bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho cụ Trần Thị T số tiền là: 305.368.088đ (Ba trăm L năm triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm tám mươi tám) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị H phải chịu 51.697.851đ (Năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.425.000đ (Hai mươi lăm triệu

bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006631 ngày 07-10-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Bà Lê Thị H còn phải nộp 26.272.851đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm năm mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Cụ Trần Thị T do là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản thừa kế cụ T được hưởng của ông Mai Văn M.

- Cụ Mai Văn T1, chị Mai Hương L, anh Mai Văn T đã từ chối nhận di sản thừa kế nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

- Nguyên đơn bà Lê Thị H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn cụ Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Mai Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Mai Hương L, anh Mai Văn T đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS quận Đ;
- VKSND quận Đ;
- Lưu: HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết-Lê Thị Mai Hương

Nguyễn Thị Minh Phương

